TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUAN HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-11-2021
V/v: Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Diện
2. Ông Nguyễn Văn Mừng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dụ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 15a/2021/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2021 về tranh chấp "Hôn nhân & Gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/10/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị V, sinh năm 1979

Địa chỉ: Bản Chiềng, xã Nam Động, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hà Văn T, sinh năm 1975

Nơi ĐKHKTT: Bản Chại, xã Hiền Chung, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam Thanh Cẩm – Bộ Công an (Địa chỉ: Xã Thanh Cẩm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nữ H – Trợp giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2021; Bản tự khai, bản ghi ý kiến và quá trình giải quyết, chị Hà Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Văn T đã tự do tìm hiểu, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào

ngày 20/4/2010 tại UBND xã Hiền Chung, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh chị đã được gia đình hai bên, chính quyền dàn xếp hòa giải nhưng không cải thiện được. Anh T lại nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, sau đó phạm tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20 (Hai mươi) năm tù, hiện chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm – Bộ Công an. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian hôn nhân vợ chồng có 01 con chung, tên cháu là Hà Thu P, sinh gày 19/3/2010, hiện cháu đang ở với chị, cháu Phương cũng có nguyện vọng muốn được ở với chị, nên chị có nguyện vọng muốn được nuôi cháu cho đến khi cháu trưởng thành. Chị là giáo viên, thu nhập hàng tháng là 12.000.000đ, sẽ đủ trang trải cho 02 mẹ con, nên không yêu cầu anh Tấm cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Thửa đất chị đang sử dụng là tài sản riêng của chị, được hình thành từ trước khi lấy anh Tấm, nhà xây dựng trên đất là tài sản của vợ chồng, chị hứa xẽ có trách nhiệm bảo quản và để vợ chồng tự thỏa thuận; 01 thửa đất mà anh Tấm trình bày là mua của ông Hà Trung Q thì chị không hay biết, chị chỉ biết là đám đất này được mượn để chăn nuôi, nay không chăn nuôi nữa thì ông Q đã lấy lại. Nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nợ nần ở vụ án này, khi cần thiết chị sẽ yêu cầu khởi kiện ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp án phí HNGĐ sơ thẩm.

Tại các bản tự khai của anh Hà Văn T, anh trình bày:

Về hôn nhân: Tôi đã được Tòa án thông báo và được tiếp cận các tài liệu chứng cứ mà chị Hà Thị V cung cấp cho Tòa án. Chị Hà Thị V trình bày về hôn nhân là đúng, hai người đến với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì vợ chồng cũng thường xảy ra mâu thuẫn, nay anh đang phải chấp hành hình phạt tù, nên anh đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên cháu là Hà Thu P, nay cháu đang ở với mẹ và cháu cũng có nguyện vọng muốn ở với mẹ, hơn nữa anh đang chấp hành hình phạt tù không có thời gian chăm sóc con cái, nên đề nghị Tòa án giao cháu Hà Thu P cho mẹ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ nần chung: Anh và chị V có xây được 01 căn nhà cấp 4 trên đất thuộc sở hữu của chị Hà Thị V vào năm 2012; Năm 2015 anh chị đã mua được 01 thửa đất rộng 700m^2 đã xây dựng trang trại chăn nuôi, đất này

anh chị mua của ông Hà Trung Q, thửa đất này tọa lạc tại khu Suối Hang Dạ, thuộc bản Chiềng, xã Nam Động, huyện Quan Hóa, việc mua bán có lập hợp đồng viết tay và đang để hợp đồng tại nhà chị V

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Hà Văn T đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Cẩm – Bộ Công an, nên anh đã có đơn xin được giải quyết vắng mặt anh trong các bước tố tụng và phiên tòa. Như vậy, các đương sự đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của Nguyên đơn, bị đơn, xét thấy: Vợ chồng chị V và anh T chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghiện ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 20 năm tù, về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T, chị V cũng đồng ý ly hôn; Về con chung: Các đương sự có 01 con chung, hiện cháu đang ở với mẹ, quá trình giải quyết vụ án cháu có nguyện vọng muốn được sống cùng mẹ. Tài sản chung, nợ nần chung: Chị Hà Thị V không yêu cầu giải quyết; Anh T đề nghị chia tài sản nhưng anh đã không cung cấp được tài liệu, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, nên đề nghị Hội đồng xét xử tách phần chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân để giải quyết ở vụ án khác.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự; Căn cứ khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị V.

Về Hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị V ly hôn với anh Hà Văn T

Về con chung: Giao cháu Hà Thu P, sinh ngày 19/3/2010 cho chị Hà Thị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; anh Hà Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Giành quyền khởi kiện vụ án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, cho chị Hà Thị V và anh Hà Văn T ở một vụ án dân sự khác khi các đương sự có yêu cầu.

Về anh phí: Chị Hà Thị V phải chịu 300.000[đ] án phí theo quy định.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Hà Văn T có hộ khẩu thường trú: Bản Chại, xã Hiền Chung, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, trước khi anh đi chấp hành phạt tù.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Hà Văn T đã có đơn xin giải quyết mặt, nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Tấm đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng của vu án, tại phiên hoà giải anh đều không có mặt để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa, anh Hà Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm bảo vệ gửi HĐXX. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt Bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn.

[2]Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp "Ly hôn, nuôi con chung". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hà Thị V là Nguyên đơn; anh Hà Văn T là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án, tiếp cận các tài liệu cảu nguyên đơn cung cấp, có bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Bị đơn đã có đơn xin vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng, vì lý do đang chấp hành hình phạt tù. Do vậy, Nguyên đơn, Bị đơn và người tham gia tố tụng khác đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, bản ý kiến của các đương sự và quá trình giải quyết vụ án thì: Chị Hà Thị V và anh Hà Văn T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn số 03, quyển số 01 ngày 20/4/2010 tại UBND xã Hiền Chung, huyện

Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T phải đi chấp hành hình phạt tù 20 năm về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" tại trại giam Thanh Cẩm – Bộ Công an. Nay, chị Hà Thị Việt và anh Hà Văn T đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hà Thị V được ly hôn anh Hà Văn T.

[5] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Việt và anh Tấm có 01 con chung là cháu Hà Thu P. Chị V và anh T đều thống nhất giao cháu Hà Thu P cho chị V là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục và sự thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P. Nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hà Thị V không yêu cầu; anh Hà Văn T yêu cầu chia tài sản chung là nhà và đất, Tòa án đã yêu cầu anh cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh quyền sở hữu nhưng anh đã không cung cấp được; đồng thời, chị V cho rằng đất chị đang sử dụng, quản lý là tài sản riêng của chị được hình trước thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có xây dựng căn nhà trên đất của chị, nhưng chị đề nghị Tòa án để anh T chấp hành hình phạt tù xong trở về xẽ khởi kiện ở vụ án dân sự khác, chị sẽ có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn ngôi nhà. Đối với đất mà anh T cho rằng đã mua của ông Hà Trung Q thì việc này chị không hề hay biết, trong tủ nhà chị cũng không có bản hợp đồng mua bán đất nào như anh T trình bày. Nên HĐXX không xem xét ở vụ án này và Giành quyền khởi kiện cho chị Hà Thị V và anh Hà Văn T khởi kiện ở vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 208, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, Điều 148, Điều 278, Điều 282 và Điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 24; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị V.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Hà Thị V ly hôn với anh Hà Văn T.

1.2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hà Thu P, sinh ngày 19/3/2010 cho chị Hà Thị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Anh Hà Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm và không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Giành quyền khởi kiện về việc chia tài sản trong thời hôn nhân cho chị Hà Thị V và anh Hà Văn T ở vụ án Dân sự khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Chị Hà Thị V phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp ngày 05/3/2021 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0013218 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai; có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Chị Hà Thị Việt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Văn Tấm có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Phòng 9 - Viện kiểm sát nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Hiền Chung, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Hà Thị V;
- Bị đơn Hà Văn T;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tiến Dũng